

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Thanh Học.
- Bà Trần Thị Chất.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Lệ N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 386, ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Quang L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 19, Khu phố Y, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

(Chị N có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Lệ N trình bày: Chị Đinh Thị Lệ N và anh Lê Quang L chung sống với nhau từ năm 2009, được UBND phường B, thị xã H, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84, ngày 26/11/2009. Quá trình chung sống, anh L là người không chuẩn mực, từng bị đưa đi cai nghiện ma túy. Trước đây chị N đã từng làm đơn khởi kiện ly hôn anh L, nhưng do gia đình động viên và bản thân chị N cũng muốn cho anh L cơ hội sửa sai nên đã nhẫn nhịn chịu đựng, không ly hôn nữa. Tuy nhiên, do quan điểm không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị N đã dẫn các con về quê sinh sống và ly thân với anh L từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không hạnh phúc, lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị N khởi kiện yêu cầu cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N trình bày giữa chị và anh L chung sống với nhau có 02 đứa con chung tên Lê Đình Bảo A, sinh ngày 26/8/2009, giới tính nữ và Lê Đình Bảo N2, sinh ngày 10/8/2011, giới tính nữ hiện do chị N nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày giữa chị và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quang L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy căn cước công dân tên Đinh Thị Lệ N (phô tô); 02

Giấy khai sinh tên Lê Đình Bảo A và Lê Đình Bảo N2 (bản sao); Trích lục kết hôn giữa chị Đinh Thị Lệ N và anh Lê Quang L (bản sao).

Tại phiên tòa, chị Đinh Thị Lệ N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với anh Lê Quang L; yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đinh Thị Lệ N được ly hôn với anh Lê Quang L. Tiếp tục giao 02 con chung giữa chị N và anh L là cháu Lê Đình Bảo A, sinh ngày 26/8/2009, giới tính nữ và Lê Đình Bảo N2, sinh ngày 10/8/2011, giới tính nữ cho chị N trực tiếp nuôi và ghi nhận việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đinh Thị Lệ N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quang L và yêu cầu

giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Quang L có nơi cư trú tại Khu phố Y, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Quang L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 84, ngày 26/11/2009 của Ủy ban nhân dân phường B, thị xã (nay là thành phố) H, tỉnh Kiên Giang và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa chị Đinh Thị Lệ N và anh Lê Quang L có quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N với anh L, Hội đồng xét xử xét thấy chị N trình bày cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống giữa anh, chị sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh L là người không chuẩn mực, từng bị đưa đi cai nghiện ma túy, không biết lo cho vợ con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay mà không ai quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau. Qua xác minh tại địa phương nơi anh L cư trú thì địa phương cho biết anh L sử dụng trái phép chất ma túy nên thường đi lang thang, hay đem theo hung khí trong người nên chị N không dám ở chung và chị N đã bỏ về quê sinh sống cho đến nay (bút lục 18). Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo tổ chức hòa giải cho các bên nhưng anh L vắng mặt không lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quan hệ hôn nhân cho anh, chị, chứng tỏ anh, chị đều không có nguyện vọng mong muốn hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Xét thấy giữa chị N và anh L không còn tồn tại nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn chung sống với nhau;

hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 19 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn anh L.

[5] Về con chung: Chị N trình bày quá trình chung sống với anh L có 02 đứa con chung tên Lê Đình Bảo A, sinh ngày 26/8/2009, giới tính nữ và Lê Đình Bảo N2, sinh ngày 10/8/2011, giới tính nữ, hiện nay các con đều do chị N chăm sóc. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con cho đến tuổi trưởng thành. Qua xem xét nguyện vọng của các cháu Lê Đình Bảo A và Lê Đình Bảo N2 thể hiện các cháu muốn được sống cùng mẹ là chị N, vì vậy cần tiếp tục giao cả 02 cháu cho chị N trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị N không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết tài sản chung và trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Lệ N được ly hôn với anh Lê Quang L.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao Lê Đình Bảo A, sinh ngày 26/8/2009, giới tính nữ và Lê Đình Bảo N2, sinh ngày 10/8/2011, giới tính nữ cho mẹ các cháu là chị Đinh Thị Lệ N trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị N không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh L không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Lệ N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001536 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang, chị N không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- UBND P. B, HT-KG;
- Những người TGTT,
- Lưu: HsVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Chí Dũng